

**CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG HIRUN VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG HIRUN VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HIRUN VIETNAM ENVIRONMENTAL PROTECTION TECHNOLOGY COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: HIRUN VIETNAM ENVIRONMENTAL PROTECTION TECHNOLOGY CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3703256882

**3. Ngày thành lập:** 24/10/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 600 Đại Lộ Bình Dương, Tổ 89, Khu 7, Phường Hiệp Thành, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0866095529

Fax:

Email: [vnkaren2020@gmail.com](mailto:vnkaren2020@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến. Bán buôn xi măng. Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi. Bán buôn kính xây dựng. Bán buôn sơn, vécni. Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh. Bán buôn đồ ngũ kim. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. | 4663        |
| 2.  | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 3320        |
| 3.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4101(Chính) |
| 4.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4102        |
| 5.  | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4211        |
| 6.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4212        |
| 7.  | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4221        |
| 8.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4222        |
| 9.  | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4223        |
| 10. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4229        |
| 11. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4291        |
| 12. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4292        |
| 13. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4293        |
| 14. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4299        |
| 15. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4311        |
| 16. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4312        |
| 17. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4321        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 18. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                  | 4322 |
| 19. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thiết bị vào công trình hạ tầng kỹ thuật; công trình dân dụng, nhà công nghiệp; công trình công nghiệp năng lượng (đường dây và trạm biến áp); công trình giao thông (cầu, đường bộ); công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn (thuỷ lợi – đê điều) | 4329 |
| 20. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4330 |
| 21. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4390 |
| 22. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4662 |
| 23. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                   | 4752 |
| 24. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                | 4759 |
| 25. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội, ngoại thất                                                                                                                                                                                                                                        | 7410 |
| 26. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7110 |
| 27. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn hàng trang trí nội, ngoại thất; bán buôn hàng gia dụng                                                                                                                                                                                                        | 4649 |
| 28. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;                                                                                                                                                                                         | 4659 |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

### 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: NGUYỄN THỊ NGỌC ANH

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 01/10/1989 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 072189016528

Ngày cấp: 20/10/2023 Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Ấp Tân Tiến, Xã Tân Phú, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Ấp Tân Tiến, Xã Tân Phú, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ NGỌC ANH

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 01/10/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 072189016528

Ngày cấp: 20/10/2023

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Ấp Tân Tiến, Xã Tân Phú, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Ấp Tân Tiến, Xã Tân Phú, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương